

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 482/2023/DS-PT
Ngày: 31-8-2023
V/v tranh chấp: "Đòi quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Dương Thành C, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1954 (có mặt);

2. Ông Nguyễn Văn R1, sinh năm 1968; (xin vắng mặt);

3. Bà Phan Ngọc Q, sinh năm 1965 (có mặt);

4. Anh Nguyễn Phan Hữu T, sinh năm 1991 (vắng mặt);

5. Cháu Nguyễn Phan Hữu P, sinh năm 2001 (vắng mặt);

6. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1951 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
7. Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp G, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
8. Bà Lê Thị H, sinh năm 1967 (đã chết);
Địa chỉ: A đường H, khu phố B, Phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị H:
- 8.1 Chị Võ Lê Diễm K, sinh năm 1992 (vắng mặt);
- 8.2 Anh Võ Quang T1, sinh năm 1998 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Khu phố B, Phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
- 8.3 Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1946 (vắng mặt);
Địa chỉ: Khu phố C, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
9. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1974 (vắng mặt);
10. Chị Lê Thị Kim P1, sinh năm 1979 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
11. Ông Lê Văn L, sinh năm 1978 (vắng mặt);
12. Bà Thái Thị Hồng L1, sinh năm 1985 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Hữu N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh Nguyễn Văn N có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn L diện tích đất là 363,2m², tọa lạc ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đất chuyển nhượng thuộc thửa đất 130, tờ bản đồ số 04, với chiều ngang mặt tiền là 7,68 mét, chiều ngang mặt hậu là 8,11 mét, chiều dài phía Bắc là 38,8 mét, chiều dài phía Nam là 39,42 mét được thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00375, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 23/10/2018 cho ông Lê Văn L đứng tên, ngày 31/10/2018 ông Lê Văn L chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn N được điều chỉnh ở nội dung thay đổi trang sau giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên đã giao nhận tiền xong. Tuy nhiên, hiện tại thửa đất có căn nhà gia đình ông Nguyễn Hữu N1 đang sinh sống không chịu di dời đi nơi khác để trả lại đất cho anh N và anh N có yêu cầu di dời nhiều lần nhưng gia đình ông N1 vẫn không thực hiện, trên phần đất này còn có quây thuốc tây của em ông N1 là Nguyễn Văn R1 xây và chị Nguyễn Thị Kim C1 đang quản lý để bán thuốc tây. Nay do anh N có nhu cầu sử dụng đất để kinh doanh, do đó anh Nguyễn Văn N yêu cầu hộ ông Nguyễn Hữu N1 gồm ông Nguyễn Hữu N1, bà Phan Ngọc Q, anh Nguyễn Phan Hữu T, anh Nguyễn Phan Hữu P và anh Nguyễn Văn R1, chị Nguyễn Thị Kim C1 đang sống trên đất phải di dời khỏi

thừa đất trên và trả lại thửa đất cho anh N, anh N tự nguyện chịu chi phí di dời là 100.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu N1 trình bày:

Ông N1 không biết ông Lê Văn L và ông Nguyễn Văn N là ai và cũng không có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với những người này. Vào năm 2017, ông N1 bị bà Lê Thị H, địa chỉ phường B, khu phố C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang lừa đảo ông N1 để làm hợp đồng chuyển nhượng. Cụ thể, vào năm 2017 ông có nhờ bà H trả tiền Ngân hàng giúp ông N1 số tiền 350.000.000đồng và bà H yêu cầu ông đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang cho bà H đứng tên thì mới vay tiền lại được vì ông N1 lúc đó bị nợ xấu nên không vay tiền được. Gia đình ông N1 gồm ông Nguyễn Hữu N1, vợ ông là Phan Ngọc Q, hai người con là anh Nguyễn Phan Hữu T và anh Nguyễn Phan Hữu P tin tưởng nên đồng ý ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng với mục đích là để vay tiền như lời bà H đã hứa, gia đình không hiểu pháp luật nên không nghĩ ký tên là đã chuyển nhượng đất, giữa ông N1 và bà H không có hợp đồng nào khác ngoài hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng thì bà H bỏ đi luôn và bà H chuyển nhượng cho ai sau đó thì ông N1 không biết. Nay qua yêu cầu của anh Nguyễn Văn N yêu cầu hộ của ông N1 di dời đi nơi khác giao lại thửa đất cho anh N, ông N1 không đồng ý vì đất này là của ông N1 và ông N1 có khiếu nại bà H tại Công an tỉnh T về hành vi lừa đảo của bà Lê Thị H.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ bà Lê Thị H là bà Đặng Thị Đ, Võ Lê Diễm K, Võ Quang T1 thống nhất trình bày:

Việc bà H giao dịch chuyển nhượng đất với ông Nguyễn Hữu N1 như thế nào, bà Đ và anh T1, chị K không được biết, chỉ nghe nói lại, hiện bà H đã chết nên bà Đ và anh T1, chị K không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị Kim P2 trình bày:

Anh T2, chị P2 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 363,2m² tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang từ bà Lê Thị H vào ngày 22/12/2017, sau đó anh T2, chị P2 chuyển nhượng lại cho anh Lê Văn L phần đất trên vào ngày 10/10/2018, các bên đã chuyển nhượng xong nên nay trong vụ án này anh T2, chị P2 không yêu cầu gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn L, chị Thái Thị Hồng L1 trình bày:

Vào ngày 10/10/2018 anh chị có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 363,2m² tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang từ anh Nguyễn Văn T2, sau đó đến ngày 29/10/2018 anh L, chị L1 chuyển nhượng lại cho Nguyễn Văn N phần đất này, hiện các bên đã chuyển nhượng xong và anh Nguyễn Văn N đã được điều chỉnh tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nay trong vụ án này anh L, chị L1 không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim C1 trình bày:

Chị đang bán thuốc tây tại quầy thuốc tây đang xây trên đất tranh chấp ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quầy thuốc tây là do em của chị là Nguyễn Văn R1 xây dựng, chị chỉ quản lý bán thuốc tây, nay chị không có ý kiến gì trong vụ án này do anh Nguyễn Văn R1 quyết định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 197/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 5, khoản 2, 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 158, 164, 166, 500, 502, 503, 357, 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 166, 167, 188, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N.

1. Buộc hộ ông Nguyễn Hữu N1 gồm ông Nguyễn Hữu N1, bà Phan Ngọc Q, anh Nguyễn Phan Hữu T, Nguyễn Phan Hữu P và anh Nguyễn Văn R1 chị Nguyễn Thị Kim C1 phải di dời ra khỏi phần đất để trả lại cho anh Nguyễn Văn N diện tích đất 363,2m² thuộc thửa đất 130, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00375, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 23/10/2018) và trên đất có nhà chính diện tích 125,18m², có kết cấu: nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole; nhà phụ có diện tích 32,92m² là nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole; nhà thuộc tây có diện tích 48,9m² là nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole. Đất tọa lạc ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đất có tứ cận: hướng Bắc giáp thửa đất 125 của ông Nguyễn Văn R1 có chiều dài 38,8m, hướng Nam giáp thửa đất 129 của ông Nguyễn Văn R có chiều dài 39,42m, hướng Đông giáp thửa đất 128 của bà Trần Thị G có chiều dài 8,11m, hướng Tây giáp Huyện L có chiều dài 7,68m. (Kèm theo sơ đồ)

2. Buộc anh Nguyễn Văn N bồi thường cho anh Nguyễn Văn N3 số tiền 357.902.095 đồng, Bồi thường cho anh Nguyễn Văn R1 số tiền 206.515.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Hữu N1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đưa vụ án sang xét xử hình sự;

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm tuyên buộc hộ ông Nguyễn Hữu N1 gồm ông Nguyễn Hữu N1, bà Phan Ngọc Q, anh Nguyễn Phan Hữu T, Nguyễn Phan Hữu P và anh Nguyễn Văn R1, chị Nguyễn Thị Kim C1 phải di dời ra khỏi phần đất để trả lại cho anh Nguyễn Văn N diện tích đất 363,2m² thuộc thửa đất 130, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00375, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 23/10/2018) và trên đất có nhà chính diện tích 125,18m², có kết cấu: nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole; nhà phụ có diện tích 32,92m² là nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole; nhà thuộc tây có diện tích 48,9m² là nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole. Nhưng theo kết quả đo đạc ngày 06/7/2023 và kết quả định giá ngày 21/7/2023 mà cấp phúc thẩm thực hiện thì thể hiện phần nhà của ông N1 có diện tích 145,1m² kết cấu nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole, trong đó phần lấn chiếm qua đất của ông R 16,5m²; phần nhà của ông R1 111,1m² là nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole, phần xây lấn trên đất ông N1 (thửa đất 130, diện tích 363,2m²) là 47,6m². Cấp sơ thẩm buộc giao nhà, đất như nên trên sẽ phá vỡ kết cấu các ngôi nhà này và dẫn đến bản án không thể thi hành được. Sai sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu N1 di dời nhà đi nơi khác và trả lại phần đất diện tích 363,2m² mà anh N đã nhận chuyển nhượng, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất” và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 2, 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung tranh chấp thì thấy rằng: Phần đất tranh chấp diện tích 363,2m² thuộc thửa đất 130, tờ bản đồ số 04 tọa lạc ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện do anh Nguyễn Văn N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00375, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 23/10/2018. Trước đây phần đất này do ông Nguyễn Hữu N1 đứng tên, sau đó chuyển nhượng cho bà Lê Thị H, sau đó bà H chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T2, anh T2 chuyển nhượng cho ông Lê Văn L, sau cùng anh L chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Văn N đứng tên.

Tại đơn khởi kiện 04/12/2018 anh N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu N1 di dời đi nơi khác và trả lại phần đất thửa số 130, ngang mặt tiền 7,68m, mặt hậu 8,11m, diện tích 363,2m² mà anh đã được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 23/10/2018 nhưng trong thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thông báo cho hộ ông N1, các đương sự trong vụ án di dời trả lại phần đất ngang 7,68m, dài khoảng 5m là chưa thể hiện đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi thẩm định tại chỗ và định giá phát hiện trên phần đất diện tích 363,2m² có căn nhà cấp 4 (tiệm thuốc tây) do ông Nguyễn Văn R1 xây dựng, sử dụng, cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự khởi kiện bổ sung mà chỉ nhận bản tường trình của ông Dương Thành C (đại diện ủy quyền của anh N) xác định khởi kiện ông Nguyễn Hữu N1, bà Phan Ngọc Q, anh Nguyễn Phan Hữu T, Nguyễn Phan Hữu P và anh Nguyễn Văn R1 chị Nguyễn Thị Kim C1 và không thông báo thụ lý, thông báo hòa giải yêu cầu này đến ông R1, bà C1 mà tuyên buộc di dời tiệm thuốc tây là trái với quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Cấp sơ thẩm tuyên buộc hộ ông Nguyễn Hữu N1 gồm ông Nguyễn Hữu N1, bà Phan Ngọc Q, anh Nguyễn Phan Hữu T, Nguyễn Phan Hữu P và anh Nguyễn Văn R1, chị Nguyễn Thị Kim C1 phải di dời ra khỏi phần đất để trả lại cho anh Nguyễn Văn N diện tích đất 363,2m² thuộc thửa đất 130, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00375, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 23/10/2018 và trên đất có nhà chính diện tích 125,18m², có kết cấu: nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole; nhà phụ có diện tích 32,92m² là nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole; nhà thuốc tây có diện tích 48,9m² là nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole. Nhưng theo kết quả đo đạc ngày 06/7/2023 và kết quả định giá ngày 21/7/2023 mà cấp phúc thẩm thực hiện thì thể hiện phần nhà của ông N1 có diện tích 145,1m² kết cấu nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole, trong đó phần lấn chiếm qua đất của ông R 16,5m²; phần nhà của ông R1 111,1m² là nhà cấp 4 kiên cố, vách tường, nền gạch men, mái tole, phần xây lấn trên đất ông N1 (thửa đất 130, diện tích 363,2m²) là 47,6m². Cấp sơ thẩm buộc giao nhà, đất như nên trên sẽ phá vỡ kết cấu các ngôi nhà này và dẫn đến bản án không thể thi hành được.

Mặt khác, phần đất diện tích 363,2m² thuộc thửa đất 130, tờ bản đồ số 04 đã chuyển nhượng nhiều lần: ông N1 chuyển cho bà H, bà H chuyển cho ông T2, ông T2 chuyển cho ông L và ông L chuyển nhượng cho anh N, tuy nhiên các lần chuyển nhượng đều không đo đạc và giao đất tại thực địa nên không xác định rõ vị trí đất và vật kiến trúc trên đất nên bản án sơ thẩm tuyên không thể hiện sự chồng lấn theo thực tế.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện ông R1 có hộ khẩu riêng (chỉ 01 nhân khẩu) tại sổ hộ khẩu số 590187200 cấp ngày 24/11/2014 thế nhưng các biên bản giao nhận văn bản tố tụng cấp, tổng đạt cho ông R1 là thông qua người khác mà người này không cùng chung hộ khẩu, dẫn đến ông R1 không nhận đầy đủ các văn bản tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của đương sự.

Do cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xét đến nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu N1.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu N1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, 310, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển sớ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: H1 lại cho ông Nguyễn Hữu N1 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0020642 ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng